

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NHẪM ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

BUILDING INDUSTRIAL DEVELOPMENT STRATEGIES TO BOOST THE INDUSTRIALIZATION, MODERNIZATION PROCESS OF VIETNAM

LÊ THẾ GIỚI

Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Chiến lược phát triển công nghiệp luôn giữ vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của các quốc gia phát triển vì công nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế. Đối với Việt Nam, Đảng ta xác định chiến lược của 10 năm đầu thế kỷ XXI là đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo nền tảng hình thành một nước công nghiệp hiện đại. Vì vậy, một hệ thống các chính sách công nghiệp đúng đắn sẽ là công cụ hữu hiệu để Chính phủ thực hiện mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển và những điều kiện cụ thể của Việt Nam, bài viết này đề xuất một số định hướng trong việc định hình chiến lược phát triển công nghiệp cho Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

ABSTRACT

Industrial development strategies always plays a crucial role in the socio-economic development strategy of developing countries since industry has a leading part in the economic structure. In Vietnam, the Party determined that the strategy during the first ten years of the twenty first century is to boost the industrialization and modernization, laying the foundations for a modern industrialized country. Therefore, a system of appropriate industrial strategies will be an effective tool for the Government to realize the development objectives of the industry and the whole economy. Based on the study of some developed countries' experiences and Vietnam's particular conditions, this paper is to suggest some directions in setting up industrial development strategies for Vietnam in the context of today's globalization and international economic integration.

1. Chiến lược và chính sách phát triển công nghiệp

Chiến lược công nghiệp là một kế hoạch tổng thể dài hạn nhằm đạt được mục tiêu phát triển công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên qui mô toàn cầu, là định hướng và cách thức phát triển công nghiệp mang tính toàn cục; làm cơ sở cho những hoạch định chính sách, định hướng xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển trung và ngắn hạn về kinh tế - xã hội của quốc gia.

Chiến lược phát triển công nghiệp giữ vị trí trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vì công nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế. Nó xác định tầm nhìn của một quá trình phát triển dài hạn với sự nhất quán về con đường và các giải pháp cơ bản để thực hiện. Xác định cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ và lựa chọn địa điểm phân bố sản xuất là một nhiệm vụ chiến lược có tác động trực tiếp lâu dài đến sự phát triển công nghiệp của mỗi vùng và mỗi doanh nghiệp. Với định hướng phát triển vùng kinh tế khác nhau thì định hướng phát triển công nghiệp của mỗi vùng lãnh thổ cũng khác nhau.

Một chiến lược phát triển công nghiệp có hiệu quả phải đạt được sự duy trì và phát triển vị thế cạnh tranh của ngành công nghiệp. Áp lực toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế dần

xóa bỏ những bảo hộ và các hàng rào trở ngại về thương mại và đầu tư, buộc các ngành công nghiệp phải lựa chọn con đường duy nhất để tồn tại và phát triển bền vững là tạo nên vị thế cạnh tranh.

Đảng ta xác định chiến lược của 10 năm đầu thế kỷ XXI là đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo nền tảng hình thành một nước công nghiệp hiện đại. Bên cạnh đó, Đảng cũng xác định những nội dung cơ bản nhằm đổi mới công tác kế hoạch hoá, nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các ngành và các vùng lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm.

Chính sách công nghiệp là công cụ của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu phát triển cụ thể của ngành công nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế. Chính sách công nghiệp đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế là tập hợp hàng loạt các công cụ chính sách nhằm thúc đẩy năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của ngành công nghiệp, của nền kinh tế và tạo ra nhiều việc làm. Chính sách công nghiệp có thể bao gồm chính sách cạnh tranh, chính sách phát triển vùng kinh tế trọng điểm, định chế khuyến khích chuyển giao khoa học và công nghệ, đầu tư và xúc tiến xuất khẩu, phát triển nguồn nhân lực và các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Như vậy, *chính sách công nghiệp bao gồm mọi hoạt động nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển, với hai thành tố cơ bản: sự can thiệp chức năng và can thiệp có trọng điểm*. Sự can thiệp chức năng nhằm khắc phục những nhược điểm của cơ chế thị trường nhưng không tạo ra những ưu thế cho chủ thể kinh tế khác. Sự can thiệp có trọng điểm được thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động cụ thể nhằm khắc phục những khiếm khuyết trong phân bổ nguồn lực của nền kinh tế.

Trong thực tiễn, chính sách công nghiệp sẽ tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu và hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nội dung cơ bản của chiến lược phát triển công nghiệp:

- Xác định các căn cứ hoạch định chiến lược và dự báo phát triển, xu hướng phát triển của kinh tế quốc tế và quốc gia.
- Đánh giá thực trạng và những khó khăn, thách thức của ngành công nghiệp.
- Các quan điểm của chiến lược phát triển công nghiệp gắn liền với hệ quan điểm phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các quan điểm này là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt các nội dung của chiến lược, được thể hiện trong quá trình xây dựng chiến lược.
- Mục tiêu chiến lược phát triển bao gồm chuyên dịch cơ cấu công nghiệp, tốc độ tăng trưởng, mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong cơ cấu công nghiệp.
- Định hướng và giải pháp về cơ cấu các ngành công nghiệp, phân công và bố trí vùng lãnh thổ công nghiệp, giải pháp về cơ chế hoạt động của ngành công nghiệp
- Các chính sách phát triển công nghiệp.
- Các định chế tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá chiến lược công nghiệp.

Trong thực tế, mục tiêu chung của nền kinh tế là đến năm 2020 nước ta sẽ trở thành một nước công nghiệp. Do đó tốc độ phát triển công nghiệp phải đạt cao trên 13% trong nhiều năm và năm 2020 công nghiệp phải chiếm 45% GDP.

Chính sách phát triển công nghiệp có thể bao gồm, nhưng không nhất thiết phải giới hạn theo những nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá và điều chỉnh mục tiêu phát triển ngành và cơ cấu công nghiệp.
- Phân tích tình hình của ngành công nghiệp và tác động của nó đối với nền kinh tế, đặc điểm môi trường cạnh tranh, nguồn nhân lực và hoạt động kinh doanh.
- Xác định các xu hướng thay đổi của nền kinh tế.

- Định vị nguồn nhân lực, kinh doanh và cộng đồng trong môi trường quốc tế.
- Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của ngành và các ngành công nghiệp cơ bản.
- Thiết kế các chương trình và công cụ để nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn ngành (phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chính sách về vốn và công nghệ).

2. Kinh nghiệm của các quốc gia công nghiệp

Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế - kinh nghiệm Nhật Bản

– *Hội nhập quốc tế và chính sách phát triển:* việc gia nhập các định chế phát triển quốc tế luôn đặt ra hai thái cực đối với nền kinh tế Nhật Bản. Lo âu, trì hoãn và tích cực để phát triển thị trường thế giới. Trước các nghĩa vụ khi tham gia vào các định chế quốc tế và khả năng yếu kém cạnh tranh của nền kinh tế Nhật Bản trong thời kỳ đầu của CNH, chính phủ Nhật Bản đã lên kế hoạch một cách tỉ mỉ để giảm bớt thách thức, đồng thời nỗ lực nắm bắt thời cơ trong quá trình mở cửa và hội nhập. Chính sách phát triển công nghiệp của Nhật Bản là tập trung phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng cạnh tranh tương lai trên thị trường thế giới để điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp. Các ngành có lợi thế cạnh tranh tương lai là những ngành có khả năng tăng nhanh năng suất lao động qua việc dễ tiếp thu công nghệ và nhu cầu tăng khi thu nhập tăng. Với cơ cấu công nghiệp mới, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ qua thuế và tín dụng cũng được soạn thảo nhằm trợ giúp phát triển và hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp theo mục tiêu mong muốn. Ngoài ra, sự thỏa hiệp của Chính phủ và cộng đồng kinh doanh qua các hình thức thảo luận và định hướng phát triển luôn được duy trì. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa công nghiệp Nhật Bản, Chính phủ có những chính sách và biện pháp sát nhập các công ty để có qui mô lớn hơn với khả năng cạnh tranh mạnh hơn.

– *Đẩy mạnh xuất khẩu của Nhật Bản thành công do hai đặc trưng.* Một là khả năng tổ chức và nỗ lực của các công ty, hai là chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản do các công ty thương mại hàng đầu đảm nhận. Các công ty thương mại kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa hình thức kinh doanh và cơ cấu tổ chức hợp lý. Sự đa dạng và tổng hợp của các công ty thương mại nhằm tránh rủi ro trong môi trường kinh doanh quốc tế và cơ cấu hợp lý tạo ra sự năng động trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Chính sách hỗ trợ xuất khẩu của Chính phủ dưới hai hình thức chủ yếu là miễn giảm thuế cho các công ty xuất khẩu và thành lập các cơ quan xúc tiến xuất khẩu nhằm cung cấp thông tin và những hướng dẫn kịp thời cho doanh nghiệp.

– *Tuyển chọn nguồn nhân lực quản lý:* Theo quan niệm Nhật Bản, quan chức nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với thành công của chiến lược phát triển quốc gia. Hàng năm, Nhật Bản đều tổ chức các kỳ thi công chức hết sức nghiêm túc để lựa chọn nhà quản lý và cán bộ chuyên môn. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ dựa trên nền tảng duy nhất là năng lực chuyên môn thông qua kết quả học tập trong các trường đại học uy tín nhất đất nước. Tính chất nghiêm túc của kỳ thi và tiêu chuẩn trúng tuyển đã tạo được nguồn nhân lực có chất lượng cho phép Nhật Bản có được các chính sách và thực hiện chính sách phát triển kinh tế một cách hiệu quả. Chương trình đào tạo công chức nhà nước của Nhật Bản cũng rất thực tế, tùy thuộc từng đối tượng, các giai đoạn đào tạo đều gắn liền với mục tiêu duy nhất - chuyên nghiệp về kỹ năng quản lý và vững vàng về lý luận kinh tế phát triển.

Công nghiệp hóa và thu hút đầu tư nước ngoài - kinh nghiệm của Thái Lan

– Có thể nhận thấy sự kết hợp khéo léo giữa mục tiêu CNH và thu hút đầu tư nước ngoài tại Thái Lan. Chính sách thu hút FDI của Thái Lan rất năng động, liên tục được điều chỉnh để thích nghi với từng thời kỳ phát triển đất nước. Điểm nổi bật của chính sách này là thông thoáng và bộ máy thực hiện rất có hiệu quả.

– Thái Lan luôn xác định nước thu hút đầu tư trọng điểm, từ đó, xây dựng các bộ phận chuyên trách riêng biệt cho từng nguồn xuất xứ của nhà đầu tư. Chính sự chuyên môn hóa và tổ chức này đã đáp ứng nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư nước ngoài có quốc tịch khác nhau.

Công nghệ và chuyển giao kỹ thuật- kinh nghiệm Hàn Quốc

– Chính sách du nhập công nghệ nước ngoài có hai nội dung cơ bản, một là cố gắng đưa kỹ thuật và công nghệ vào Hàn Quốc bằng các hợp đồng nhập khẩu công nghệ, bằng sáng chế kỹ thuật, tránh đầu tư trực tiếp. Hai là, hạn chế tỷ lệ góp vốn của đối tác nước ngoài dưới 49% nếu phải du nhập công nghệ trực tiếp. Do vậy, Chính phủ đã ban hành qui chế giám sát cần thiết để lựa chọn công nghệ tiên tiến với giá cả của thị trường thế giới.

– Để hoàn chỉnh chính sách du nhập công nghệ nước ngoài, Chính phủ Hàn Quốc đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực để tiếp thu, học hỏi và phát triển công nghệ. Ngoài ra, đầu tư của Chính phủ vào nghiên cứu và phát triển với mục tiêu là phát triển và hoàn thiện các công nghệ được du nhập từ nước ngoài và thành lập các cơ quan quản lý, các viện nghiên cứu để phổ biến, khai thác và hướng dẫn chuyển giao công nghệ.

Mô hình cạnh tranh của ngành công nghiệp

Tổng kết kinh nghiệm phát triển và thành công của các mô hình CNH của các nước công nghiệp mới trong khu vực châu Á, các nhà nghiên cứu cho rằng có ba mô hình minh họa khả năng cạnh tranh của các nền kinh tế. Cụ thể là:

– *Mô hình dựa trên kỹ năng và công nghệ trong nước* được hình thành theo chính sách công nghiệp bằng cách phối hợp mục tiêu xuất khẩu với tiềm năng nguồn lực của nền kinh tế. Chính sách đầu tư nước ngoài rất thông thoáng, hầu như rất ít hạn chế và kiểm soát. Hàng hóa xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao.

– *Mô hình cạnh tranh công nghiệp dựa trên nền tảng đầu tư nước ngoài* nhưng theo chính sách công nghiệp rất tham vọng về công nghệ. Chính sách này dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, quản lý tiên tiến của nước ngoài trong thời gian đầu và sự đổi mới của quốc gia trong giai đoạn sau nhờ sự hỗ trợ của chính phủ.

– *Mô hình cạnh tranh công nghiệp dựa vào công ty đa quốc gia* có chính sách thu hút FDI thụ động và chính sách công nghiệp yếu. Các ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên của công ty đa quốc gia kết hợp với điều kiện về giá lao động thấp và các điều kiện ưu đãi đầu tư. Mối liên hệ giữa các công ty đa quốc gia và công nghiệp địa phương yếu. Hàm lượng tài nguyên ngoài nhân lực của quốc gia là khá thấp, chủ yếu là nhập khẩu.

Từ kinh nghiệm của các nước phát triển và các mô hình cạnh tranh công nghiệp trên đây, có thể thấy rõ mức độ gay gắt về nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế Việt Nam. Những yếu kém này về cơ bản bao gồm:

– Công nghiệp nông thôn chưa phát triển làm nòng cốt cho sự phát triển nông thôn. Sau nhiều chủ trương CNH, nông thôn nước ta vẫn mang tính thuần nông.

– Di sản của cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp vẫn còn tồn tại khá nặng, đặc biệt là trong các doanh nghiệp nhà nước, cán bộ quản lý còn ô mồm, bao biện và can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp.

– Năng lực cạnh tranh thấp và chưa có triển vọng cải thiện nhanh, phản ánh tập trung nhất về tình thế xuất phát của nền kinh tế nước ta hiện nay là tiềm lực kinh tế nhỏ bé, trình độ khoa học công nghệ và kinh nghiệm quản lý còn rất lạc hậu.

Nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của Việt Nam là nhiệm vụ có ý nghĩa hàng đầu, là trọng tâm của chiến lược CNH. Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ quyết định khả năng đạt được các mục tiêu CNH, HĐH đất nước đến năm 2020.

Như vậy, ba yếu tố quan trọng: trình độ kinh tế lạc hậu, sức ỳ của cơ chế quan liêu - bao cấp và sự chậm chạp trong hội nhập quốc tế, đang tạo thành một hợp lực có sức cản rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây chính là khâu cần đột phá trong khi tìm kiếm những giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đất nước trong tầm nhìn đến năm 2020.

3. Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu và cơ cấu ngành công nghiệp

Quan điểm của Đảng “*phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh*” hoàn toàn tương thích đặc trưng của mô hình CNH hướng vào xuất khẩu. Đặc trưng rõ rệt nhất của mô hình này là phát huy lợi thế so sánh của tiềm năng quốc gia trong phân công lao động và hợp tác quốc tế. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế thay đổi của thời đại toàn cầu hóa đời sống kinh tế quốc tế. Để áp dụng thành công mô hình này đòi hỏi có sự lãnh đạo hiệu quả của Chính phủ và có tầm nhìn dài hạn về xu hướng phát triển của kinh tế thế giới để xác định lợi thế so sánh cần tập trung. Do vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng về đường lối CNH cần được khẳng định và hoàn thiện thông qua vai trò quản lý kinh tế của Chính phủ.

Quan điểm “*vừa phát triển tuần tự, vừa lựa chọn đi tắt đón đầu*” phù hợp với những điểm nhấn của mô hình hướng vào xuất khẩu qua việc lựa chọn các ngành công nghiệp cần phát triển. Trong điều kiện nước ta hiện nay, cần tận dụng các lợi thế so sánh tĩnh, trước mắt là khai thác hết tiềm năng hiện có của đất nước để đảm bảo và duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Đánh giá các lợi thế so sánh động nhằm xác định các ngành mũi nhọn cần phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới. Có thể thấy rằng, với quan điểm này, cơ cấu công nghiệp Việt Nam hiện nay là hợp lý nhưng các biện pháp chuẩn bị hình thành các ngành công nghiệp mũi nhọn vẫn còn rất chậm chạp.

Dựa trên quan điểm cạnh tranh này, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và xuất khẩu tài nguyên cần có chính sách đẩy mạnh sản xuất theo chiều rộng để đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước và nâng cao mức sống của người dân. Ngoài ra, *lĩnh vực dịch vụ cũng cần được thúc đẩy phát triển* để đóng góp khả năng tăng trưởng cao của nền kinh tế và hỗ trợ công nghiệp phát triển, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Các ngành công nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ cao hay có hàm lượng công nghệ cao trong giá thành sản phẩm cần được tập trung đầu tư theo chiều sâu để nâng cao sức cạnh tranh tương lai.

Cần chú trọng vai trò hỗ trợ của nhu cầu quốc phòng đối với việc thúc đẩy sự phát triển công nghiệp. Chính nhu cầu quốc phòng là thị trường to lớn của ngành công nghiệp cơ khí nếu chúng ta có sự cân đối cụ thể. Công nghiệp cơ khí hiện nay rất khó tìm nguồn đầu tư phát triển, đặc biệt là phát triển theo chiều sâu. Hơn nữa, phần lớn năng lực cơ khí hiện nay của chúng ta thuộc sở hữu nhà nước và sản phẩm cơ khí của Việt Nam chưa có chỗ đứng trên thị trường trong nước và quốc tế. Do vậy, ngân sách quốc phòng có thể đóng vai trò nguồn lực đầu tư phát triển cho trang bị năng lực sản xuất của ngành cơ khí và cũng chính là thị trường ổn định của ngành cơ khí Việt Nam. Vấn đề này có thể cần thảo luận kỹ hơn.

Tóm lại, quan điểm hoàn thiện cơ cấu công nghiệp theo hướng CNH, HĐH:

– Căn cứ vào mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế xã hội và mục tiêu cụ thể của từng thời kỳ kế hoạch.

– Hoàn thiện cơ cấu công nghiệp phải bao gồm hai mục tiêu cơ bản: nâng cao khả năng cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Khả năng cạnh tranh là sự năng động, khả năng đáp ứng thay đổi nhanh chóng của thị trường, năng lực sản xuất dựa trên công nghệ là nền tảng để sống còn và phát triển.

– Hoàn thiện mối quan sản xuất của các ngành công nghiệp trong cơ cấu công nghiệp. Quan điểm chung là phải cân đối và duy trì hài hòa sự phát triển của các ngành công nghiệp theo hướng lấy quan hệ kinh tế quốc tế làm nguồn lực cơ bản để phát triển, và kiện toàn và nâng cao sự độc lập, tự chủ của toàn bộ nền kinh tế để xây dựng chính sách phát triển.

– Hoàn thiện cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ cần phải tránh phát triển tràn lan, đồng nhất và tương tự nhau giữa các tỉnh thành phố, các vùng kinh tế. Tránh quan điểm phát triển cô lập và đồng đều theo nghĩa mọi tỉnh, thành đều có các ngành công nghiệp, các nhà máy giống nhau. Sự phát triển đồng đều, cân đối phải trên quan điểm toàn cục, toàn bộ của nền kinh tế. Do vậy, cần phải đổi mới công tác qui hoạch và phân bổ nguồn vốn đầu tư của nhà nước. Khi qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển kinh tế của các vùng kinh tế trọng điểm phải dựa trên lợi thế của từng vùng và mối quan hệ kinh tế hữu cơ của các vùng để hình thành cơ cấu công nghiệp đảm bảo tăng trưởng và khả năng cạnh tranh quốc tế.

– Việc qui hoạch và định hướng chiến lược phát triển công nghiệp theo lãnh thổ cần dựa trên khái niệm mới về “cụm công nghiệp” (industrial cluster) và mạng lưới công nghiệp (industrial network) để tìm ra và phát triển lợi thế cạnh tranh.

4. Định hướng chính sách công nghiệp hóa

Chính sách khoa học công nghệ:

– Chính sách khoa học trong chiến lược CNH, HĐH của nước ta trong thời gian đến nên tập trung vào học tập, phổ biến và cải tiến công nghệ, kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài hơn là tìm kiếm đổi mới. Với khả năng thu hút đầu tư nước ngoài hiện nay, chúng ta nhập khẩu rất nhiều công nghệ đa dạng và phức tạp, do vậy điều cần thiết là cần phải hấp thụ và phổ biến công nghệ đang vận hành trong nước để giảm thiểu chi phí nhập khẩu công nghệ. Bộ khoa học công nghệ nên thành lập tiêu ban ứng dụng công nghệ để thực hiện chương trình đổi mới công nghệ ngành công nghiệp. Chức năng của tiêu ban này là tư vấn cho các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp các xu hướng và phương pháp ứng dụng các công nghệ cơ bản và hiện đại vào sản xuất và khả năng cạnh tranh của công nghệ ứng dụng.

– Ban hành các chính sách ưu đãi cụ thể về đổi mới và ứng dụng công nghệ đối với các chủ thể trong nền kinh tế, xây dựng và củng cố các nền tảng hạ tầng về khoa học - công nghệ, đặc biệt là tổ chức lại các viện nghiên cứu, hệ thống trường đại học kỹ thuật. Cần có chính sách khuyến khích mối liên hệ hợp tác giữa cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp.

– Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ chuẩn quốc gia về công nghệ dựa theo tiêu chuẩn của khu vực và thế giới để phân loại doanh nghiệp theo trình độ công nghệ. Từ đó, có chính sách hỗ trợ và đầu tư cho các doanh nghiệp phát triển.

Kỹ năng công nghiệp:

Một trong những thách thức của quá trình CNH là khả năng cung cấp nguồn nhân lực đủ trình độ kiến thức và kỹ năng để đảm nhận trình độ công nghệ ngày càng cao hơn. Hệ thống giáo dục của chúng ta hiện tại chưa đủ sức thỏa mãn nhu cầu CNH, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao và các ngành cạnh tranh tương lai. Do vậy, với khả năng đầu tư cho giáo dục nên tập

trung có trọng điểm vào các trường đại học quốc gia và các trường có truyền thống đào tạo công nghệ và kỹ thuật cho nền kinh tế. Định hướng chiến lược phát triển của các cơ sở đào tạo này là chuẩn công nghệ đào tạo của quốc gia và đầu tư tương ứng về ngân sách để các trường này đạt được chuẩn mực yêu cầu. Chuẩn quốc gia về đào tạo cần định hướng ngang bằng hay cao hơn các quốc gia cạnh tranh đối với các ngành công nghệ chiến lược.

Thu hút đầu tư nước ngoài:

Với mục tiêu thu hút FDI 12 tỷ USD vốn đăng ký cấp phép mới, 11 tỷ USD vốn thực hiện giai đoạn 2001-2005, cần khuyến khích đầu tư FDI vào các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dầu khí, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành Việt Nam có nhiều lợi thế gắn với công nghệ hiện đại, tạo nhiều việc làm. Thu hút FDI vào những địa bàn có nhiều lợi thế để phát huy vai trò của các vùng động lực, tạo điều kiện liên kết phát triển các vùng.

Vận động các nhà đầu tư có tiềm năng lớn về tài chính và công nghệ nguồn từ các nước phát triển. Khuyến khích các công ty có quy mô vừa và nhỏ, nhưng công nghệ hiện đại đầu tư vào Việt Nam, tạo thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về nước.

Trước mắt cần phải: 1) Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách về FDI theo hướng thông thoáng, hấp dẫn nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ và phù hợp với thông lệ quốc tế; 2) Cải tiến hệ thống tài chính ngân hàng, sử dụng linh hoạt và có hiệu quả chính sách tiền tệ; 3) Cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá việc cấp phép và mở rộng phạm vi các dự án thuộc diện đăng ký cấp phép đầu tư; 4) Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ hiệu quả: hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, giảm cước bưu chính viễn thông, tiền thuê đất, tăng thêm ưu đãi về thuế và tài chính. Phát triển các thị trường dịch vụ khoa học công nghệ, tư vấn pháp luật, tư vấn quản lý, thị trường sản phẩm trí tuệ, tài chính-tiền tệ, dịch vụ bảo hiểm; 5) Mở rộng hình thức và lĩnh vực đầu tư, triển khai hiệu quả các dự án gọi vốn đầu tư, chọn mời trực tiếp các tập đoàn lớn trong các ngành chủ chốt tham gia đầu tư vào các dự án quan trọng. Thu hút đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ có hàm lượng trí tuệ và giá trị gia tăng cao (tài chính, ngân hàng, giám định, đánh giá tài sản...); các dự án trong lĩnh vực hạ tầng cơ sở; các dự án sử dụng công nghệ cao và nhân lực trình độ cao.

Thực tiễn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua đã khẳng định vai trò tích cực của FDI đối với sự phát triển kinh tế xã hội đất nước. Vì thế, để tăng cường khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, việc tạo lập một môi trường đầu tư minh bạch, hấp dẫn và thực thi một chương trình xúc tiến đầu tư dài hạn trong sự hợp tác có hiệu quả giữa Chính quyền và doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết trong nỗ lực huy động các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp, *Chiến lược, chính sách công nghiệp*, 8/2002.
- [2] <http://www.moi.gov.vn>, *Các chiến lược phát triển ngành công nghiệp hoá chất, điện, cơ khí, ô tô, dệt may, ... đến 2010, tầm nhìn đến 2020*.
- [3] Lê Thế Giới, *Những giải pháp thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*, Đề tài NCKH cấp Bộ trọng điểm (B2003-III-21-TĐ), 2005.
- [4] Lê Thế Giới, *Clustering, total competitiveness and Japanese ODA: How industrial parks, supporting industries and government in Vietnam need for supports from Japanese intellectual cooperation*, Annual Buletin of The Institute for Industrial Research of Obirin University (Tokyo, Japan), N.23, March 2005, p. 125-153, (ISSN 0286-5955).